

## Những khía cạnh xã hội về lao động và thị trường lao động ở vùng nông thôn châu thổ sông Hồng hiện nay

PHAN QUỐC THẮNG

Vùng nông thôn châu thổ sông Hồng<sup>(1)</sup> có nguồn lao động dồi dào, nếu phát huy tốt tiềm năng lao động đó, ở đây sẽ là một khu vực phát triển với tốc độ nhanh. Thế nhưng, "hàng năm, nguồn lao động tăng với tốc độ cao hơn tăng dân số, ấy thế mà, trong quá trình đổi mới cơ cấu xã hội nhằm thúc đẩy nền kinh tế hàng hóa phát triển theo cơ chế thị trường để có xu hướng đẩy lao động ra hơn là hút lao động vào"<sup>(2)</sup>. Đây là một vấn đề bức thiết đang đặt ra cho các nhà hoạch định chiến lược.

Dựa vào các nguồn tư liệu khảo sát và điều tra về nông thôn và lao động của Viện Xã hội học, Viện Kinh tế học, Ban Nông nghiệp Trung ương, Bộ lao động - thương binh - xã hội, Tổng cục thống kê... trong những năm gần đây, chúng tôi phân tích một số khía cạnh xã hội đã và đang nảy sinh về lao động và thị trường lao động ở các làng xã vùng nông thôn châu thổ sông Hồng trên con đường đổi mới và phát triển.

### I. TIỀM NĂNG LAO ĐỘNG VÀ CƠ CẤU LAO ĐỘNG NGHỀ NGHIỆP

#### 1. Về tiềm năng lao động

Với diện tích 12.457 km<sup>2</sup> và gần 4 triệu lao động, vùng nông thôn châu thổ sông Hồng hiện nay đang đóng một vai trò quan trọng về nguồn nhân lực hàng năm lên tới 3,3%. Cho đến nay số lao động trong độ tuổi chiếm tới 51,4% trong tổng số lao động trong vùng. Số người trong độ tuổi này nhưng mất khả năng lao động chỉ chiếm dưới 2%.

**Bảng 1: Nhịp độ tăng tuyệt đối nguồn lao động<sup>(3)</sup>**

(nghìn người)

1976	1980	1985	1990	1992
2810,1	2.843,0	3.137,6	3.669,9	3.988,4

Lực lượng lao động vùng nông thôn châu thổ sông Hồng có đặc điểm chung là trẻ và chất lượng rất thấp. Trong tổng số lao động ở đây, nhóm tuổi từ 15 đến về tuổi chiếm tới 85,16% và tỷ số lao động nữ cao hơn lao động nam (52,2%).

1. Theo công báo và niên giám thống kê 1990, vùng nông thôn châu thổ sông Hồng bao gồm 4 tỉnh Hà Tây, Hải Hưng, Thái Bình, Hà Nam Ninh và vùng ngoại ô của 2 thành phố Hà Nội và Hải Phòng.

2. Tương Lai: Đồi điều về sự chuyển đổi của nông thôn và nông nghiệp. Tạp chí Xã hội học số 2 - 1991, trang 45.

3. Nguồn: *Thống kê nông nghiệp 35 năm*, trang 13, 14, 15 và niên giám thống kê, trao - 1991. Nhà xuất bản Thống kê - Hà Nội 1991 và 1992 (Niên giám thống kê).

Số lao động mù chữ và chưa đạt tới trình độ phổ thông cơ sở lên tới 58,7%, số lao động mới đạt được ở trình độ phổ thông cơ sở là 31,3%, còn số lao động có trình độ phổ thông trung học trở lên chỉ chiếm chưa đầy 9,5%.

Phần lớn lực lượng lao động ở đây không được đào tạo về chuyên môn kỹ thuật. Ngoài số thợ thủ công được truyền nghề, số công nhân kỹ thuật có bằng, cán bộ trung cấp kỹ thuật và đại học chỉ chiếm 4,2% trong tổng số lao động. Theo số liệu điều tra mẫu của Bộ lao động - Thương binh và xã hội thì số chủ hộ làm ăn giỏi mới chỉ chiếm từ 5 đến 7% và chỉ có 1% lao động có trình độ kỹ thuật được chính quyền và tập thể địa phương quản lý và sử dụng<sup>(4)</sup>.

Song nếu so với lao động nông thôn toàn quốc và khu vực nông thôn các nước Đông Nam Á thì trình độ học vấn, kỹ thuật thâm canh lúa nước và chăn nuôi gia đình của lao động vùng nông thôn châu thổ sông Hồng vẫn khá cao. Các cứ liệu khảo sát xã hội học, kinh tế học trong những năm 1990, 1991, 1992 ở các xã thuộc vùng nông thôn châu thổ sông Hồng đều cho thấy số lao động biết phát huy và áp dụng các biện pháp khoa học - kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp đã lên tới 1/3 tổng số lao động và đa số các chủ hộ (4/5) có trình độ học vấn lớp 6, lớp 7<sup>(5)</sup>.

Nguồn nhân lực to lớn ở vùng nông thôn châu thổ sông Hồng đang bị áp lực nhân khẩu ruộng đất dè nặng (386 m<sup>3</sup>/ng) đòi hỏi cấp bách là phải thúc đẩy quá trình phân công lao động xã hội bằng con đường phát triển công nghiệp nông thôn, mở rộng dịch vụ, buôn bán tạo ra một cơ cấu lao động nghề nghiệp hợp lý trên quy mô toàn vùng.

## 2. Cơ cấu tạo động. nghề nghiệp:

Nghị quyết 10 và những chính sách cải cách kinh tế đã đem lại cho nông thôn vùng châu thổ sông Hồng những bước tiến rõ rệt trong sản xuất và đời sống, nhưng sự phân công lao động theo vùng ở đây vẫn còn đang ở trạng thái tự nhiên.

Nếu xem xét trên địa bàn làng xã, chúng ta thấy có ba loại cơ bản: 1/ Nông nghiệp, 2/ Nông nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; 3/ Kinh doanh tổng hợp.

Những làng xã phát triển được các ngành nghề phi nông nghiệp chế biến nông lâm, hải sản thì sự phân công lao động ở đây đã có sự thay đổi rõ nét hơn, mở rộng được công ăn việc làm tại chỗ và tăng thu nhập cho người lao động. Dương nhiên, chỉ có những làng xã phát triển theo hướng kinh doanh tổng hợp là những làng xã giàu có nhanh nhất hiện nay.

Những làng xã phát triển theo hướng kinh doanh tổng hợp thường hình thành những tổ hợp liên kết, liên doanh từ 2 đến 10 hộ và đang có dạng phân công lao động như sau: Thâm canh lúa - phát triển chăn nuôi gia đình - mở rộng ngành nghề - tăng cường lưu thông tiêu thụ - phát triển mạng lưới tín dụng tự do và hình thành rõ nét thị trường lao động. Theo báo cáo của các huyện Đông Hưng (Thái Bình), Nam Ninh (Nam Hà) và Gia Lâm (Hà Nội) hiện mới có khoảng 10 - 20% số xã trong mọi huyện phát triển mạnh kinh doanh tổng hợp.

Phần lớn làng xã ở vùng nông thôn châu thổ sông Hồng vẫn là những làng xã nông nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Do những khó khăn về thị trường giá cả, tiền vốn và nguyên

4. Bộ Lao động - Thương binh và xã hội, tập chuyên khảo: *Nguồn lao động và việc làm*, Hà Nội.1990, trang 9, 100. 101.

5. Trần An Phong - Cao Đức Phát: *Những vấn đề kinh tế của hộ gia đình nông thôn* Tạp chí Xã hội học, số 2 - 1991.

vật liệu mấy năm gần đây không có hướng giải quyết nên đang có xu hướng co hẹp lại cả về quy mô sản xuất lẫn quy mô sử dụng lao động.

Nếu xem xét trên bình diện hộ gia đình ta thấy việc phân công lao động trong phạm vi gia đình thật sự đã trở thành vấn đề trung tâm của việc quản lý và sử dụng lao động của các hộ gia đình, hộ gia đình là một đơn vị kinh tế tự chủ.

Trên thực tế sự phân công lao động trong phần lớn các hộ gia đình rõ ràng là có điều kiện thuận tiện để tận dụng mọi lao động và tổng thời gian lao động, đạt tới hiệu quả kinh tế xã hội - nhân văn cao hơn hẳn cách quản lý và sử dụng lao động của hợp tác xã trước đây. Trên cơ sở đó nhiều hộ gia đình đã nhanh chóng tích tụ vốn và điều đó dẫn tới sự mở rộng hợp tác lao động và liên kết vốn giữa các hộ trong phát triển sản xuất kinh doanh, tạo ra những khả năng mới cho việc thay đổi công cụ lao động và công nghệ tiến bộ vào nông thôn. Từ đó làm cho trình độ lao động và năng lực kinh doanh của người nông dân trong vùng nông thôn châu thổ sông Hồng sẽ được nâng dần lên.

Song dù là quản lý theo quy mô hộ gia đình hay hợp tác xã thì điều đầu tiên là phải giải quyết được việc làm cho người lao động. Kết quả điều tra của Ban Nông nghiệp Trung ương ở vùng nông thôn châu thổ sông Hồng hiện nay cho thấy: Nếu tính trong độ tuổi lao động (16 đến 60 tuổi) số người đã có việc làm và cần có việc làm lên tới 3,3 triệu người, trong đó, số người đã có việc làm là 3,2 triệu người, chiếm 95,8%; số người thật sự chưa có việc làm là 118,6 nghìn người, trong đó phần lớn (82%) thuộc lớp tuổi từ 16 đến 25 tuổi.

Trong số những người đã có việc làm (3,2 triệu người) thì:

- Số người đã có việc làm ổn định chiếm 98,4%<sup>(6)</sup>
- Số người có việc làm tạm thời chiếm 1,6%..

Trong số những người *có việc làm ổn định*, phân theo cơ cấu nhóm tuổi như sau:

1. Lớp tuổi từ 16 đến 25 tuổi chiếm 33,8%
2. Lớp tuổi từ 26 đến 45 tuổi chiếm 50,3%
3. Lớp tuổi từ 46 đến 60 tuổi chiếm 15,9%.

Trong số những người *có việc làm tạm thời*, phân theo cơ cấu nhóm tuổi như sau:

1. Lớp tuổi từ 26 đến 25 tuổi chiếm 50,2%
2. Lớp tuổi từ 26 đến 45 tuổi chiếm 34,6%
3. Lớp tuổi từ 46 đến 60 tuổi chiếm 15,2%.

Mặc dù có tới 95,8% lao động ở đây đã có việc làm, nhưng tìm kiếm việc làm để có thu nhập cao vẫn luôn là vấn đề căng thẳng đối với hầu hết những người lao động. Điều này được thể hiện ở một số đặc trưng chủ yếu sau đây:

Trình độ xã hội hóa và phân công lao động ở vùng nông thôn châu thổ sông Hồng cho đến nay vẫn còn thấp xét theo ngành kinh tế trên toàn vùng, thì tuyệt đại đa số lao động tập trung vào sản xuất nông nghiệp. Số lao động ở các ngành kinh tế phi nông nghiệp chiếm một tỷ lệ quá nhỏ (15,7%).

Xét theo ngành kinh tế trong mỗi xã số lao động tập trung vào sản xuất nông nghiệp càng lớn (Xem bảng 3).

---

6. Tính số người đã có việc làm ổn định và làm việc nội trợ

**Bảng 2: Cơ cấu lao động phân theo ngành kinh tế trên cả nước<sup>(1)</sup>**

%

	Tỷ số lao động	Trong đó	
		Nam	Nữ
1. Lao động nông nghiệp	84,2	46,5	53,5
2. Lao động công nghiệp	8,6	62,1	37,9
3. Thương nghiệp - dịch vụ	3,6	31,9	68,1
4. Lao động văn hóa - xã hội	2,8	38,1	61,9
5. Lao động quản lý nhà nước	0,7	72,4	27,6

Mặc dù cường độ di dân ra khỏi vùng hàng năm là khá cao (0,045% dân số), nhưng do lao động tập trung vào nông nghiệp nên bình quân diện tích đất canh tác cho mỗi lao động rất thấp (2 sào - 2,5 sào). Nếu không tiếp tục đẩy mạnh di dân, thâm canh và phát triển ngành nghề thì vào những năm cuối thế kỷ, số lao động thừa tuyệt đối sẽ gia tăng vượt lên trên 5% trong tổng số lao động hàng năm.;

Một biểu hiện khác khá phổ biến của trình độ phân công lao động thấp ở đây là tình trạng lao động "bán nông bán công". Số lao động trong một năm làm từ hai đến ba nghề khác nhau lên tới 35% trong tổng số lao động<sup>(2)</sup>.

**Bảng 3: Cơ cấu lao động theo ngành trong mỗi xã<sup>(3)</sup>**

%

Khu vực sản xuất vật chất (% lao động)	Trong đó % lao động					Khu vực không sản xuất vật chất
	Nông nghiệp và thủy lợi	Chuyên tiểu thủ công nghiệp	Thương nghiệp và dịch vụ	Vận tải	Xây dựng	
96,51	88,76	1,37	1,58	0,33	4,48	3,49

Do trình độ phân công lao động thấp và khá phức hợp này nên quỹ thời gian lao động ở đây chưa đạt hiệu quả cao.

Thời gian lao động có thu nhập trong một năm của một lao động bình quân là: 250 - 260 ngày (ở đồng bằng sông Cửu Long là 200 - 250 ngày).

Thời gian lao động không có thu nhập bình quân là 70 - 80 ngày.

Thời gian hoàn toàn không có việc làm khoảng 25 - 30 ngày.

Nhìn chung, do trình độ tổ chức lao động, vốn, phương tiện, kỹ thuật... còn rất lạc hậu nên việc sử dụng lao động và thời gian lao động ở vùng nông thôn châu thổ sông Hồng rất lãng phí và kém hiệu quả. Các cứ liệu của các cuộc khảo sát, điều tra xã hội học đều cho thấy, hệ số sử dụng thời gian lao động ở đây mới đạt tới 50 - 60%, thấp hơn hệ số sử dụng thời gian lao động ở nông thôn các nước đang phát triển khoảng 10% và hiệu quả

1. Nguồn: Ban Nông nghiệp Trung ương: *Kinh tế - xã hội nông thôn ngày nay*, Hà Nội 1991, trang 155.

2. Số liệu điều tra xã hội học tại 3 xã Hải Vân, Đa Tốn, Đông Dương 1991.

3. Nguồn: Bộ Lao động - Thương binh và xã hội. Số liệu điều tra 12 xã, tài liệu đã dẫn, trang 224,225.

lao động ở vùng nông thôn châu thổ sông Hồng cũng rất thấp. Mức bình quân của lao động nông nghiệp chỉ bằng 23,4% mức đạt được của lao động công nghiệp và bằng 24,6% so với lao động thương nghiệp - dịch vụ.

## II. THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG

### 1. Thuê mướn lao động

Với chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần của Đảng và nhà nước ta, việc thuê mướn lao động đã trở thành một hình thức quan hệ lao động cần thiết. Trong vùng nông thôn châu thổ sông Hồng hiện nay đã hình thành rõ rệt 4 nhóm hộ sau đây: 1) nhóm những hộ chỉ thuê lao động, 2) nhóm những hộ chỉ có lao động đi làm thuê, 3) nhóm những hộ vừa thuê lao động, vừa có lao động đi làm thuê và 4) nhóm những hộ không thuê mướn lao động cũng không có lao động đi làm thuê. Theo kết quả điều tra của các cơ quan nghiên cứu thì hiện nay nhóm những hộ chỉ thuê lao động và nhóm những hộ chỉ đi làm thuê chiếm tỷ lệ chưa cao; số hộ không thuê mướn lao động và không có lao động đi làm thuê vẫn chiếm một số lượng lớn.

**Bảng 4: Phân loại nhóm hộ theo quan hệ thuê và làm thuê**

	%		
	Đa Tốn	Hải Vân	Đông Dương
1. Nhóm hộ chỉ thuê lao động	3,0	4,0	7,0
2. Nhóm hộ chỉ có lao động đi làm thuê	20,0	18,0	7,0
3. Nhóm hộ vừa thuê lao động vừa đi làm thuê	37,0	32,0	42,0
4. Nhóm hộ không thuê lao động	40,0	46,0	44,0

Nhìn vào bảng 4 ta thấy so với 2 nhóm trên, nhóm hộ vừa thuê lao động vừa đi làm thuê chiếm tỷ lệ khá lớn. Sự xuất hiện ngày càng nhiều nhóm hộ này chủ yếu do tính chất thời vụ của nông nghiệp và tình trạng thiếu công cụ, trâu bò cày kéo và kỹ thuật. Nhu cầu thuê mướn lao động và làm thuê thường hướng vào những công việc của các ngành nghề phi nông nghiệp nhiều hơn là nông nghiệp, tập trung vào các ngành nghề phi nông nghiệp nhiều hơn là nông nghiệp, tập trung vào các ngành xây dựng cơ khí, chế biến gỗ vận chuyển... và các nghề nó mộc, cưa, xẻ, rèn làm gạch ngói, dệt, chế biến nông, lâm hải sản... Tùy vào khả năng và truyền thống nghề nghiệp của từng địa phương. Ở xã Hải Vân 60% lao động làm thuê hướng vào các nghề cưa, xẻ, làm mộc, đãi vàng. Ở xã Đa Tốn số lao động làm thuê (90%) hướng vào làm đồ sành sứ. Ở xã Đông Dương (Thái Bình) hơn 50% lao động làm thuê thường hướng vào các công việc như: cày bừa, cấy, làm cỏ, gặt và vận chuyển trong các thời vụ. Do sức kéo ở vùng nông thôn châu thổ sông Hồng hiện nay quá thấp (bình quân 12 hộ có một trâu hoặc bò) nên số lao động làm thuê trong khâu này là khá lớn và phổ biến.

### 2. Giá cả thuê mướn

Giá cả thuê mướn ở vùng nông thôn châu thổ sông Hồng nhìn chung thấp hơn nhiều so với ở đồng bằng sông Cửu Long và ngay trong vùng cũng có sự chênh lệch giữa địa phương

này với địa phương khác song không đáng kể. Hiện nay ở trong một công việc giá thuê mướn trung bình và phổ biến như sau:

**Bảng 5: Giá cả thuê mướn lao động (đơn vị tính: đồng/ngày)**

Các công việc phi nông nghiệp				Các công việc trong nông nghiệp				
Nề	Mộc	Đóng gạch	Vận chuyển	Cấy	Gặt	Làm cỏ	Cày bừa	
							Có trâu	Không trâu
8.000	8.000	10.000	9.000	7.000	5.000	12.000	8.000	

Ngày cả làm thuê trong nông nghiệp thì giá một công lao động làm thuê vẫn cao hơn thu nhập thực tế một ngày công làm trên ruộng khoán. Điều này do nhu cầu đảm bảo thời vụ của các hộ nông dân. Đương nhiên người ta rất hạn chế thuê mướn lao động để làm nông nghiệp vì ruộng ít và giá cả các công việc khác cũng không cao hơn nhiều so với số tiền thuê để làm nông nghiệp. Do đó đa số nông dân ở vùng nông thôn châu thổ sông Hồng thường muốn đổi công và hợp tác lao động hơn là thuê mướn. Tình hình đó dẫn tới sự không xuất hiện nhiều hiện tượng làm thuê nông nghiệp ngoài ranh giới xã ở đây.

### III. MỘT SỐ NHẬN XÉT CHUNG

1. Nguồn nhân lực ở vùng nông thôn châu thổ sông Hồng rất dồi dào, đó là một tiềm năng to lớn cho công cuộc phát triển của đất nước. Song do chất lượng lao động thấp, phần lớn lao động chưa được đào tạo về chuyên môn kỹ thuật do đó hiệu quả lao động chưa cao.

2. Số lao động hoàn toàn không có việc làm chiếm tỷ lệ thấp. Số hộ có khả năng kinh doanh tổng hợp ngày càng xuất hiện nhiều hơn ở các làng xã. Phân công lao động trong các hộ gia đình thật sự đã trở thành vấn đề trung tâm của việc quản lý, sử dụng lao động tìm kiếm công ăn việc làm và tăng cường sức sản xuất của xã hội.

3. Thời gian lao động có thu nhập trong một năm của một lao động đã tăng lên đáng kể, song do trình độ tổ chức lao động, vốn, phương tiện, kỹ thuật... còn rất lạc hậu nên nông suất lao động chưa cao. Vì vậy việc nâng cao hiệu quả lao động là một yêu cầu cấp bách đối với nguồn nhân lực to lớn của vùng nông thôn châu thổ sông Hồng.

4. Việc thuê mướn lao động đã trở thành một hình thức quan hệ lao động phổ biến và cần thiết ở vùng này. Thị trường lao động ở đây ngày càng được mở rộng. Tuy nhiên giá cả thuê mướn ở đây còn quá thấp. Trong điều kiện của giai đoạn phát triển mới đòi hỏi chúng ta phải xử lý tốt hơn mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và việc thực hiện các chính sách xã hội theo tinh thần *Văn kiện về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế* của Đảng: "Trình độ phát triển kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện chính sách xã hội, nhưng những mục tiêu của các chính sách xã hội lại là mục đích của các hoạt động kinh tế".